

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2016**

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đỗ Trí Vỹ	Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Bà Ngô Nguyệt Hoa	Ủy viên
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2016)
Bà Nguyễn Linh Chi	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2016)

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

0112
CÔNG
+ NHIE
ELO
HỆT
ĐA

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

500
G T
H U
T T
N A
T P

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 8 và Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty ghi nhận giá trị phải thu tiền đền bù quyền sử dụng đất từ việc bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND thành phố Hạ Long với số tiền 164.540.250.000 VND tương đương 7.254.861 USD. Giá trị đền bù quyền sử dụng đất được phê duyệt giảm theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND của UBND Thành phố Hạ Long ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2016 và Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 đính chính Quyết định số 4765/QĐ-UBND về việc nguồn kinh phí sẽ được chi trả từ nguồn Ngân sách tỉnh Quảng Ninh. Theo đó, Công ty đã thực hiện điều chỉnh số liệu theo các quyết định này.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Vũ Đức Nguyên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0764-2013-001-1

A handwritten signature in blue ink.

Trần Xuân Ánh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0723-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 3 năm 2017
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		14.597.914	13.787.700
I. Tiền	110	5	3.213.943	1.745.303
1. Tiền	111		3.213.943	1.745.303
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.868.421	11.449.690
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.943.162	3.745.742
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		689.894	540.397
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.241.634	7.673.103
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(6.269)	(509.552)
III. Hàng tồn kho	140	9	506.236	580.139
1. Hàng tồn kho	141		541.022	614.925
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(34.786)	(34.786)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.314	12.568
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.314	12.568
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.680.109	46.329.725
I. Tài sản cố định	220		42.072.093	43.444.145
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	41.046.511	42.186.785
- Nguyên giá	222		53.592.735	52.433.411
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.546.224)	(10.246.626)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	1.025.582	1.257.360
- Nguyên giá	228		4.477.521	4.467.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.451.939)	(3.210.390)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.417.788	1.583.626
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	2.417.788	1.583.626
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		419.411	419.411
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	419.411	419.411
IV. Tài sản dài hạn khác	260		770.817	882.543
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		386.166	442.234
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	26.161	130.136
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		358.490	310.173
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		60.278.023	60.117.425

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		13.959.887	12.972.660
I. Nợ ngắn hạn	310		7.928.800	7.227.498
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	404.519	927.486
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	811.840	16.802
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	605.005	846.474
4. Phải trả người lao động	314		804.089	606.039
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		19.376	19.688
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	992.406	858.294
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	4.291.565	3.952.715
II. Nợ dài hạn	330		6.031.087	5.745.162
1. Phải trả dài hạn khác	337	17	3.645.533	2.648.698
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	2.261.015	2.955.333
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		124.539	141.131
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		46.318.136	47.144.765
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	46.318.136	47.144.765
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.309.870	42.309.870
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.309.870	42.309.870
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.326	649.326
4. (Lỗ) lũy kế	421		(1.668.229)	(841.600)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(843.100)	(5.508.484)
- (Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(825.129)	4.666.884
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		60.278.023	60.117.425



Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2017



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

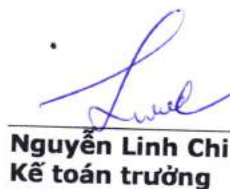
Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13.815.130	12.278.262
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		37.063	27.871
<i>Chiết khấu bán hàng</i>	05		37.063	27.871
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	21	13.778.067	12.250.391
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		10.466.545	9.535.362
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.311.522	2.715.029
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	329.146	624.131
7. Chi phí tài chính	22	24	943.234	885.376
<i>- Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		703.650	774.471
8. Chi phí bán hàng	25	26	1.206.788	1.326.973
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	1.904.452	2.945.670
10. (Lỗ) từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		(413.806)	(1.818.859)
11. Thu nhập khác	31		86.891	6.748.029
12. Chi phí khác	32	25	394.239	350.805
13. (Lỗ)/Lãi khác (40=31-32)	40		(307.348)	6.397.224
14. Tổng(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(721.154)	4.578.365
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	-	9.201
16. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	27	103.975	(97.720)
17.(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(825.129)	4.666.884
18. (Lỗ)/Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	(0,012)	0,066



Cao Thị Huyền
 Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2017



Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng




Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

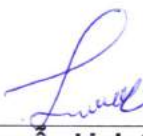
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01	(721.154)	4.578.365
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.656.902	2.625.901
Các khoản dự phòng	03	(519.875)	506.073
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(74.647)	(289.043)
(Lãi)/ Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	(8.971)	46.886
Chi phí lãi vay	06	703.650	774.471
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.035.905	8.242.653
Thay đổi các khoản phải thu	09	902.009	(10.700.260)
Thay đổi hàng tồn kho	10	25.586	205.527
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.897.948	1.291.255
Thay đổi chi phí trả trước	12	59.322	781.789
Tiền lãi vay đã trả	14	(700.737)	(778.536)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(9.254)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.220.033	(966.826)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.621.821)	(2.838.046)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	150.976	5.446.852
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.470.845)	2.608.806
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.638.669	7.976.860
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(8.917.909)	(9.027.999)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(279.240)	(1.051.139)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	1.469.948	590.841
Tiền đầu năm	60	1.745.303	1.180.218
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(1.308)	(25.756)
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	3.213.943	1.745.303


Cao Thị Huyền
 Người lập biểu


Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng




Đỗ Trí Vỹ
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 221.032.000.118 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 12 tháng 9 năm 2014, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.815 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.560 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong khuôn viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tị theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đô la Mỹ (USD), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc trình bày báo cáo tài chính bằng Đô la Mỹ đã được đăng ký và được Bộ Tài chính trả lời tại Công văn số 7554/BTC-CKKT ngày 12 tháng 6 năm 2013. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty đã đánh giá quy định về lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và xác định rằng việc trình bày báo cáo tài chính của Công ty bằng Đô la Mỹ là phù hợp với quy định hiện hành cũng như cần thiết để phản ánh bản chất kinh tế của các nghiệp vụ liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc bằng tiền và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn

Hàng giải khát

Hàng lưu niệm, mỹ nghệ

Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước

Bình quân gia quyền

Giá đích danh

Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm nay (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 8,6 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều kỳ kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho người sử dụng lao động trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc. Mức trích cho mỗi năm làm việc bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Tiền mặt	1.271.284	1.625.387
Tiền gửi ngân hàng	1.942.659	119.916
	3.213.943	1.745.303

6. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD			USD		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	419.411	-	419.411	419.411	-	419.411
	419.411	-	419.411	419.411	-	419.411

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Đại lý Long Bay	1.354.485	563.303
Đại lý Ta Yang Chen	918.334	595.727
Tập đoàn giải trí Kim Long	309.889	-
Khách đoàn Long Bay	160.428	26.146
Đại lý Chúng Phát	104.666	89.625
Đại lý Salon	-	2.085.693
Các khoản phải thu khách hàng khác	95.360	385.248
	2.943.162	3.745.742

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Phải thu tiền bồi thường (*)	7.234.475	7.646.350
Phải thu khác	7.159	26.753
	7.241.634	7.673.103

(*) Bao gồm giá trị phải thu tiền đền bù giá trị quyền sử dụng đất và đền bù khác từ việc bàn giao Công viên Hoàng Gia cho UBND thành phố Hạ Long, chi tiết như sau:

	VND	USD tương đương
Giá trị đền bù quyền sử dụng đất phê duyệt lại (i)	164.540.250.000	7.254.861
Các khoản đền bù khác tăng trong năm (ii)	2.804.252.000	123.644
Tiền đã nhận được trong năm	(2.398.483.000)	(105.753)
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	-	(38.277)
Phải thu khác	164.946.019.000	7.234.475

	VND	USD tương đương
Giá trị đền bù quyền sử dụng đất ban đầu	172.119.334.000	7.589.036
Giá trị đền bù quyền sử dụng đất phê duyệt lại	164.540.250.000	7.254.861
Chênh lệch ghi nhận chi phí khác	7.579.084.000	334.175
Các khoản đền bù khác tăng trong năm	2.804.252.000	123.644
Chi phí phát sinh tương ứng (tiền thuê kho)	1.200.000.000	52.910
Chênh lệch ghi nhận giảm chi phí khác	1.604.252.000	70.734
Chi phí khác	5.974.832.000	263.441
(trình bày tại Thuyết minh số 25)		

- (i) Giá trị đền bù quyền sử dụng đất được phê duyệt lại là 164.540.250.000 VND theo Quyết định số 4765/QĐ-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của UBND Thành phố Hạ Long ban hành và Quyết định số 4845/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2016 đính chính Quyết định số 4765/QĐ-UBND về việc nguồn kinh phí sẽ được chi trả từ nguồn Ngân sách tỉnh Quảng Ninh. Các Quyết định này thay thế cho Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2015 và thu hồi các văn bản trước đây liên quan tới giá trị đền bù quyền sử dụng đất đã công bố là 172.119.334.000 VND.
- (ii) Trong năm, Công ty nhận được thêm quyết định về các khoản đền bù, hỗ trợ cho các hạng mục tài sản khác trong Công viên là khoảng 2,8 tỷ VND.

Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng số tiền đền bù này sẽ được chuyển cho Công ty trong năm 2017, do đó Công ty ghi nhận trên khoản mục phải thu khác ngắn hạn là phù hợp.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn đang làm việc với UBND tỉnh Quảng Ninh về giá trị đền bù cho những tài sản còn lại của khu Công viên Hoàng Gia.

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	USD		USD	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	320.879	(2.738)	397.298	(2.738)
Hàng hóa	220.143	(32.048)	217.627	(32.048)
	541.022	(34.786)	614.925	(34.786)

10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	37.800.153	11.410.630	1.087.387	676.282	1.458.959	52.433.411
Tăng do mua sắm	-	36.594	288.253	130.097	16.671	471.615
Tăng từ XDCB hoàn thành	557.296	282.420	-	-	-	839.716
Thanh lý trong năm	-	-	152.007	-	-	152.007
Số dư cuối năm	38.357.449	11.729.644	1.223.633	806.379	1.475.630	53.592.735
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	4.359.363	4.518.258	493.426	296.804	578.775	10.246.626
Khấu hao trong năm	881.087	1.018.247	112.842	134.084	269.093	2.415.353
Thanh lý trong năm	-	-	115.755	-	-	115.755
Số dư cuối năm	5.240.450	5.536.505	490.513	430.888	847.868	12.546.224
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày cuối năm	33.116.999	6.193.139	733.120	375.491	627.762	41.046.511
Tại ngày đầu năm	33.440.790	6.892.372	593.961	379.478	880.184	42.186.785

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 37.997.652 USD (31 tháng 12 năm 2015: 39.982.060 USD) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 1.685.280 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.650.034 USD).

11. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	4.394.268	73.482	4.467.750
Tăng trong năm	-	9.771	9.771
Số dư cuối năm	4.394.268	83.253	4.477.521
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	3.145.845	64.545	3.210.390
Khấu hao trong năm	237.810	3.739	241.549
Số dư cuối năm	3.383.655	68.284	3.451.939
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày cuối năm	1.010.613	14.969	1.025.582
Tại ngày đầu năm	1.248.423	8.937	1.257.360

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 61.715 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 13.215 USD).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Biến động trong năm:

	<u>Năm nay</u> USD	<u>Năm trước</u> USD
Tại ngày đầu năm	1.583.626	1.163.591
Tăng trong năm	1.812.472	1.854.491
Kết chuyển sang tài sản cố định	(839.716)	(364.593)
Ghi giảm do bàn giao	-	(862.136)
Giảm khác	(138.594)	(207.727)
Tại ngày cuối năm	2.417.788	1.583.626

Chi tiết số dư:

	<u>Số cuối năm</u> USD	<u>Số đầu năm</u> USD
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Xây dựng cơ bản	1.863.012	1.500.336
- Chi phí thiết kế dự án mới	251.085	-
- Sửa chữa	217.323	77.069
- Chi phí thiết kế công trình đang thi công	86.368	6.221
	2.417.788	1.583.626
Chi tiết xây dựng cơ bản		
- Khu nhà đa năng	1.791.186	1.086.060
- Khu cầu lạc bộ	71.826	-
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long	-	357.985
- Khu văn phòng	-	56.291

13. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	<u>Dự phòng trợ</u> <u>cấp thời việc</u> USD	<u>Dự phòng phải thu</u> <u>ngắn hạn khó đòi</u> USD	<u>Tổng</u> USD
Tại ngày đầu năm	28.226	101.910	130.136
Ghi nhận trong năm	(3.318)	(100.657)	(103.975)
Tại ngày cuối năm	24.908	1.253	26.161

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	USD	USD	USD	USD
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Dự Thành	67.134	67.134	13.294	13.294
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Pacific Links	56.017	56.017	56.741	56.741
Doanh nghiệp Tư nhân Hà Việt	-	-	179.846	179.846
Công ty TNHH Xây dựng Diệu Đức Phước Thành	-	-	234.575	234.575
Phải trả cho các đối tượng khác	281.368	281.368	443.030	443.030
Cộng	404.519	404.519	927.486	927.486

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh (*)	803.893	-
Khác	7.947	16.802
	811.840	16.802

(*) Giá trị ứng trước cho hợp đồng thuê nhà đa năng - xem thêm tại Thuyết minh số 30 về Cam kết cho thuê hoạt động.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực	Số cuối năm
	USD	trong năm	nộp trong năm	USD
		USD	USD	
Thuế giá trị gia tăng	409.425	1.166.648	(1.470.673)	105.400
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	30.632	(30.632)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	125.800	1.716.622	(1.512.285)	330.137
Thuế nhập khẩu	-	43.928	(43.928)	-
Thuế thu nhập cá nhân	27.693	194.250	(205.252)	16.691
Thuế khác	283.556	24.814	(155.593)	152.777
Cộng	846.474	3.176.894	(3.418.363)	605.005

17. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	24.197	-
- Đại lý Long Bay	6.599	-
- Đại lý Kim Long	17.598	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	968.209	858.294
+ Chip trôi nổi	600.553	190.919
+ Bảo hành xây dựng	208.120	268.627
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	6.602	359.599
+ Khác	152.934	39.149
Cộng	992.406	858.294
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.645.533	2.645.533
- Đại lý Đại Dương Thành	1.500.000	1.500.000
- Đại lý Long Bay	1.145.533	1.145.533
- Đại lý Kim Long	1.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	3.165
Cộng	3.645.533	2.648.698

18. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm USD		Trong năm USD		Số cuối năm USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	1.950.085	1.950.085	5.326.077	4.674.520	2.601.642
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	1.289.618	1.289.618	3.243.772	3.560.898	972.492	972.492
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 19)	713.012	713.012	763.138	758.719	717.431	717.431
	3.952.715	3.952.715	9.332.987	8.994.137	4.291.565	4.291.565

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 60 tỷ VND tương đương 2,64 triệu USD (tỷ giá 22.730 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 31 tháng 10 năm 2017. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và một số tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 30 tỷ VND tương đương 1,32 triệu USD (tỷ giá 22.730 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 29 tháng 4 năm 2017. Khoản vay này chịu lãi suất 10,5%/năm và được tự động điều chỉnh theo mức lãi suất của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm USD		Trong năm USD		Số cuối năm USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	2.955.333	2.955.333	-	741.621	2.213.712
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	-	-	68.820	21.517	47.303	47.303
	2.955.333	2.955.333	68.820	763.138	2.261.015	2.261.015

(i) Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và Hợp đồng này được gia hạn và sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheratpn; tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ VND tương đương 7,48 triệu USD (tỷ giá 22.730 VND/USD). Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 03 tháng 01 năm 2013 với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã rút toàn bộ hạn mức vốn vay với tổng số tiền 170 tỷ VND (31 tháng 12 năm 2015: 170 tỷ VND).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với số tiền là 1,54 tỷ VND tương đương 67,58 nghìn USD (tỷ giá 22.730 VND/USD), thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này chịu lãi suất cố định 8,8%/năm trong năm đầu tiên và trần lãi suất huy động vốn tiết kiệm cá nhân có kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau bằng đồng Việt Nam của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam + biên 2,8%/năm từ năm thứ 2 trở đi. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này được thế chấp bằng xe ô tô khách 29 chỗ.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Trong vòng một năm	717.431	713.012
Trong năm thứ hai	717.431	713.012
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.543.584	2.139.037
Sau năm năm	-	103.284
	2.978.446	3.668.345
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 18)	(717.431)	(713.012)
Số phải trả sau 12 tháng	2.261.015	2.955.333

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư	Quỹ đầu tư	(Lỗ) lũy kế	Tổng
	USD	vốn cổ phần	phát triển	USD	USD
	USD	USD	USD	USD	USD
Số dư đầu năm trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(5.506.984)	42.479.381
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.666.884	4.666.884
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.500)	(1.500)
Số dư cuối năm trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(841.600)	47.144.765
Số dư đầu năm nay	42.309.870	5.027.169	649.326	(841.600)	47.144.765
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(825.129)	(825.129)
Thù lao Ban Kiểm soát (i)	-	-	-	(1.500)	(1.500)
Số dư cuối năm nay	42.309.870	5.027.169	649.326	(1.668.229)	46.318.136

(i) Thủ lao Ban Kiểm soát được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 2016/NQ-ĐHCĐNK ngày 25 tháng 6 năm 2016.

Số cổ phiếu đang lưu hành

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2015: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi '000 VND	Vốn đã góp					
		Số cuối năm		Số đầu năm			
		USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ	USD	'000 VND quy đổi	Tỷ lệ
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	47.219.530	2.875.859	47.219.530	7%	2.875.859	47.219.530	7%
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52%	22.219.546	369.386.320	52%
Các nhà đầu tư khác	287.081.690	17.214.465	287.081.690	41%	17.214.465	287.081.690	41%
Cộng	703.687.540	42.309.870	703.687.540	100%	42.309.870	703.687.540	100%

21. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty đã thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành bốn bộ phận với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia:
 Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.
- Khu Biệt thự Hoàng Gia:
 Cho thuê phòng biệt thự và dịch vụ liên quan.
- Khu Ca múa nhạc dân tộc:
 Trình diễn ca múa nhạc dân tộc có thu phí.
- Khách sạn Hoàng Gia Hạ Long:
 Cho thuê phòng khách sạn và dịch vụ liên quan.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Năm nay

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Ca múa nhạc dân tộc	Khách sạn	Bù trừ	Tổng cộng
				Hoàng Gia Hạ Long		
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	3.898.322	1.699.274	1.946.122	6.234.349	-	13.778.067
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	851.216	277.170	19.484	1.589.940	-	2.737.810
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(3.425.652)	427.205	1.180.639	1.404.002	-	(413.806)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	551.483	135.495	227.518	605.241	-	1.519.737
5. Tài sản bộ phận	12.309.994	8.714.892	16.492.916	30.160.358	(25.658.044)	42.020.116
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	18.257.907
Tổng tài sản	12.309.994	8.714.892	16.492.916	30.160.358	(25.658.044)	60.278.023
7. Nợ phải trả bộ phận	13.663.792	2.070.642	865.580	20.799.908	(25.658.044)	11.741.878
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	2.218.009
Tổng Nợ phải trả	13.663.792	2.070.642	865.580	20.799.908	(25.658.044)	13.959.887

Năm trước

	Câu lạc bộ	Biệt thự	Ca múa nhạc dân tộc	Khách sạn	Bù trừ	Tổng cộng
				Hoàng Gia Hạ Long		
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	1.493.283	2.447.464	2.338.558	5.971.086	-	12.250.391
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	753.399	538.645	22.258	1.334.897	-	2.649.199
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	(4.028.544)	996.796	1.608.607	(395.718)	-	(1.818.859)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	501.510	92.948	-	273.947	-	868.405
5. Tài sản bộ phận	11.983.785	7.643.726	15.656.545	32.458.197	(25.336.972)	42.405.281
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	17.712.144
Tổng tài sản	11.983.785	7.643.726	15.656.545	32.458.197	(25.336.972)	60.117.425
7. Nợ phải trả bộ phận	9.866.723	1.428.989	930.793	24.412.380	(25.336.972)	11.301.913
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	1.670.747
Tổng Nợ phải trả	9.866.723	1.428.989	930.793	24.412.380	(25.336.972)	12.972.660

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Chi phí thực phẩm và đồ uống	656.047	652.158
Chi phí nhân công	7.409.085	5.696.884
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.656.902	2.625.901
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	2.855.751	4.833.062
	13.577.785	13.808.005

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	902	3.819
Lãi chênh lệch tỷ giá	228.667	513.307
Doanh thu hoạt động tài chính khác	99.577	107.005
	329.146	624.131

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Chi phí lãi vay	703.650	774.471
Lỗ chênh lệch tỷ giá	239.584	110.905
	943.234	885.376

25. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Giảm tiền bồi thường công viên Hoàng Gia (i)	263.441	-
Phạt theo quyết toán với cơ quan thuế	-	118.282
Khác	130.798	232.523
	394.239	350.805

(i) Phản ánh Giá trị bồi thường quyền sử dụng đất công viên Hoàng Gia giảm trong năm sau khi đã bù trừ với giá trị thu hồi trong năm của các hạng mục khác của Công viên. Xem thêm tại Thuyết minh số 8.

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	722.171	618.119
Chi phí dụng cụ sản xuất	69.499	344.461
Chi phí khấu hao TSCĐ	51.652	50.798
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.955	107.701
Các chi phí bằng tiền khác	282.511	205.894
	<u>1.206.788</u>	<u>1.326.973</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.584.931	1.533.282
Chi phí dụng cụ sản xuất	67.613	94.520
Chi phí khấu hao TSCĐ	48.392	71.351
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.186	225.244
Các chi phí bằng tiền khác	458.882	1.021.273
Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(509.552)	-
	<u>1.904.452</u>	<u>2.945.670</u>

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	3.318	(100.999)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	100.657	3.279
Tổng chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	<u>103.975</u>	<u>(97.720)</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thuế suất 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
(Lỗ)/Lợi nhuận kế toán trước thuế	(721.154)	4.578.365
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>818.060</i>	<i>299.872</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>120.930</i>	<i>787.496</i>
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>-</i>	<i>5.065.989</i>
Thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	(1.418.284)	-
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>-</i>	<i>-</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	<i>-</i>	<i>9.201</i>
Chi phí/(Thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại	103.975	(97.720)

28. (LỖ) / LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
(Lỗ)/Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (USD)	(825.129)	4.666.884
(Lỗ)/Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (USD)	(825.129)	4.666.884
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu (USD)	(0,012)	0,066

29. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	Số cuối năm	Số đầu năm
VND	3.552.494.453	3.290.971.442
KRW	1.639.000	610.000
JMP	164.554	-
NTD	88.200	-
HKD	21.100	13.870
JPY	20.000	30.000
THB	6.500	6.000
SGD	100	100
AUD	-	300
TWD	-	45.200
RMP	-	67.853

30. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết như sau:

Cam kết đầu tư

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015, Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 giá trị đã đầu tư là 1.797.212 USD và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 2.836.613 USD.

Cam kết cho thuê hoạt động

Ngày 26 tháng 01 năm 2016, Công ty đã ký Hợp đồng số 20160126 với Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh về việc cho thuê nhà hàng đa năng để kinh doanh trong thời hạn là 10 năm từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến 28 tháng 02 năm 2026. Tại ngày 26 tháng 3 năm 2016, Công ty đã ký văn bản thỏa thuận với Diệu Doanh, theo đó, thời hạn cho thuê sẽ tính từ thời điểm Công ty bàn giao nhà cho Diệu Doanh, giá trị hợp đồng và các điều khoản khác không thay đổi.

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.326.556 USD (31 tháng 12 năm 2015: 1.135.736 USD).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	Công ty mẹ
Bà Nguyễn Tiểu Mai	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn và ăn uống cho Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	7.631	3.803
Cung cấp dịch vụ lưu trú khách sạn và ăn uống cho Bà Nguyễn Tiểu Mai	3.664	166

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	77.099	70.821

Số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

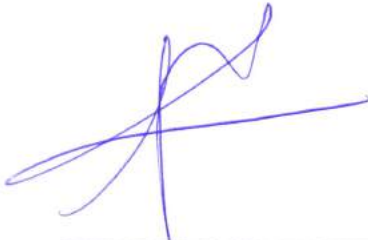
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Các khoản phải trả khác		
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	2.730	10.429

32. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 433.704 USD (năm 2015: 638.337 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 661.703 USD (năm 2015: 538.373 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.


33. SỰ KIẾN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017, Công ty đã quyết định sát nhập 03 bộ phận kinh doanh của Công ty là khách sạn Hoàng Gia Hạ Long, Biệt thự và Ca múa nhạc dân tộc, theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 Công ty sẽ chỉ gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự.



Cao Thị Huyền
Người lập biểu

Ngày 28 tháng 3 năm 2017


Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng

Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc